

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2362/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư mới Thung Ôi, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 1405/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc chấp thuận Công ty CP tập đoàn Xuân Phúc là nhà đầu tư thực hiện dự án Khu dân cư mới Thung Ôi, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa đã được chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 28/MT-XP ngày 10/4/2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn Xuân Phúc về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Khu dân cư mới Thung Ôi, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh; Công văn số 38/MT-XP ngày 22/10/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuân Phúc về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Khu dân cư mới Thung Ôi, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1672/TTr-STNMT ngày 25 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Tập đoàn Xuân Phúc, địa chỉ tại Số 475 khu phố Vĩnh Long 1, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Dự án Khu dân cư mới Thung Ôi, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Khu dân cư mới Thung Ôi, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2802899882, đăng ký lần đầu ngày 27/11/2020; đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 30/7/2021; cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

1.4. Loại hình sản xuất kinh doanh: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở và thương mại.

1.5. Quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích sử dụng đất 62.923m².

- Quy mô dự án:

+ Đầu tư hoàn chỉnh các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, khu xen cư theo mặt bằng quy hoạch chi tiết 1/500 đã được phê duyệt với diện tích 62.923m² bao gồm: Hạ tầng kỹ thuật (san nền; đường giao thông; cấp điện; cấp nước; thoát nước; thoát nước thải; chất thải rắn và vệ sinh môi trường; hệ thống kè bờ sông Khe Rông).

+ Xây dựng phân thô các lô nhà liền kề và biệt thự: LK - 01; LK- 02, LK- 03, LK - 04, LK - 05, biệt thự BT-01, BT-02 (chủ đầu tư xây dựng bể tự hoại cho mỗi căn xây thô).

+ Xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình thuộc quỹ đất công cộng (Khu cây xanh dịch vụ, khu cây xanh, nhà văn hoá, bể bơi).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty CP Tập đoàn Xuân Phúc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty CP Tập đoàn Xuân Phúc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép và bàn giao công trình công trình cho địa phương quản lí sau khi đã hoàn thành các công trình xây dựng theo đúng thiết kế và vận hành ổn định các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 10 tháng 11 năm 2024 đến ngày 10 tháng 11 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Tập đoàn Xuân Phúc (để t/hiện)
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Như Thanh (để theo dõi);
- UBND thị trấn Bến Sung (để g/s);
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải từ quá trình tắm, rửa và giặt giũ phát sinh từ chậu rửa, sàn nhà tắm; nước thải nhà vệ sinh; nước thải từ quá trình nấu ăn...) từ khu dân cư hiện trạng.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải từ quá trình tắm, rửa và giặt giũ phát sinh từ chậu rửa, sàn nhà tắm; nước thải nhà vệ sinh; nước thải từ quá trình nấu ăn...) từ khu nhà liền kề.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải từ quá trình tắm, rửa và giặt giũ phát sinh từ chậu rửa, sàn nhà tắm; nước thải nhà vệ sinh; nước thải từ quá trình nấu ăn...) từ khu nhà biệt thự.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt (bao gồm nước thải từ quá trình tắm, rửa và giặt giũ phát sinh từ chậu rửa, sàn nhà tắm; nước thải nhà vệ sinh; nước thải từ quá trình nấu ăn...) từ khu nhà văn hoá và khu dịch vụ.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận:

Dự án có 01 (một) dòng nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung chảy theo đường ống D300 đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của dự án, sau đó chảy ra sông Khe Rông.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa sau đó ra chảy ra Sông Khe Rông, đoạn chảy qua Thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105° , múi chiếu 3°): X = 2172152 (m); Y = 560595 (m).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $125 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

2.4.1. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo đường ống D300 vào hệ thống thoát nước mưa của dự án, sau đó chảy ra sông Khe Rông.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.4.2. *Chế độ xả nước thải*: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.4.3. *Chất lượng nước thải*:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,0). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B, K = 1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	50		
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) tính theo N	mg/l	50		
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	4.0		
10	Tổng Coliform	MNP/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn nước thải đưa về hệ thống xử lý.

- Tuyến số 1: Nước thải sinh hoạt từ Khu dân cư hiện trạng (Nguồn số 01) → Ống PVC, D200 → Hồ ga thu nước thải (cùng với nước thải Khu liên kề 05A, 05B của Nguồn số 02) → Ống PVC, D200 → Trạm xử lý nước thải tập trung 200m³/ngày đêm.

- Tuyến số 02: Nước thải sinh hoạt từ Khu liên kề 01A, 01B; 02A, 02B; 03A, 03B và 04A, 04B (Nguồn số 02) → Ống PVC, D200 → Các hồ ga thu nước thải.

- Tuyến số 3: Nước thải từ khu Nhà Biệt thự 01 và 02 (Nguồn số 03) → Ống PVC, D200 → Hồ ga thu nước thải.

- Tuyến 4: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà văn hoá và khu dịch vụ (Nguồn số 4) → Ống PVC, D200 → Hồ ga thu nước thải.

- Nước thải từ các tuyến 2, 3, 4 → Tuyến thu gom chính ống PVC, DN300 → Trạm xử lý nước thải tập trung.

Toàn bộ dòng nước thải phát sinh được thu gom triệt để về hệ thống xử lý tập trung xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải sau xử lý → đường ống D300 → hệ thống thoát nước mưa theo quy hoạch → sông Khe Rông.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ

- Bể tự hoại: 01 bể dung tích 3m^3 cho mỗi hộ dân (liền kề và Biệt thự); 02 bể tự hoại dung tích 20m^3 tại khu công cộng và dịch vụ.

- Bể tách dầu mỡ: Mỗi hộ dân 01 thiết bị tách dầu mỡ.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ các nguồn → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bể khử trùng.

- Công suất thiết kế: $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất sử dụng: Clorine/NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ (gấp 1,6 lần lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất của dự án) để đáp ứng yêu cầu xử lý nước thải trong trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn xử lý nước thải phát sinh của toàn bộ dự án.

- Toàn bộ hệ thống cống, đường ống thu gom nước thải và các hố ga, giếng thăm khép kín và các bể chứa nước của Hệ thống xử lý nước thải tập trung có tổng thể tích hữu dụng có thể lưu giữ tạm thời được khoảng 600m^3 nước thải (tương đương với lưu lượng nước thải của dự án cần thu gom, xử lý tối đa trong vòng 4,0 ngày) trong trường hợp xảy ra sự cố đối với Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Đối với Hệ thống xử lý nước thải: Lắp đặt thiết bị dự phòng như máy bơm, máy thổi khí (mỗi loại 2 thiết bị: 01 làm việc; 01 dự phòng)

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục sau:

+ Công nhân dừng vận hành hệ thống, đóng van để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể chứa của Hệ thống xử lý nước thải tập trung và trong các đường ống thu gom, các hố ga, giếng thăm.

+ Tập trung nguồn lực khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải, đơn vị quản lý vận hành hệ thống hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Dự kiến 03 tháng, kể từ ngày Dự án đi vào hoạt động và có nước thải đi vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung; thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải về cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 200 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí số 01: Tại bể thu gom nước thải trước khi vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vị trí số 02: Tại bể khử trùng của Hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường.

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:*

Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.4.3, Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Dự án thuộc đối tượng quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải, đặt sẵn các vị trí chờ đầu nối tại mỗi lô đất để sau này các hộ gia đình vào đầu tư đầu nối vào đường ống chờ và thoát nước vào hệ thống thoát nước theo quy hoạch.

- Xây dựng bể tự hoại (155 bể, dung tích $3\text{m}^3/\text{bể}$) cho mỗi căn xây thô và 02 bể (dung tích $20\text{m}^3/\text{bể}$) cho nhà văn hoá để xử lý sơ bộ trước khi chảy vào hệ thống đường ống D300 theo quy hoạch.

- Xây dựng hoàn chỉnh Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất $200\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Nước thải xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) theo đường ống D300 chảy vào hệ thống thoát nước mưa của dự án, sau đó chảy ra sông Khe Rông.

- Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt công tơ điện, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải hoạt động ổn định trước khi bàn giao lại cho địa phương quản lý.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; lượng hóa chất sử dụng...). Trong quá trình vận hành thử nghiệm, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.2. Trách nhiệm của các hộ dân và các nhà đầu tư thứ cấp:

- Các hộ dân phải đầu tư thiết bị tách dầu mỡ để xử lý sơ bộ nước thải trước khi đầu nối vào đường ống chờ trên hệ thống thu gom nước thải do chủ đầu tư xây dựng để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Xây dựng công trình thu gom sau khi xử lý sơ bộ, đầu nối vào đường ống chờ trên hệ thống thu gom nước thải do Chủ dự án xây dựng.

3.3. Trách nhiệm của UBND thị trấn Bến Sung:

- Thuê đơn vị có chức năng kiểm tra, nạo vét định kỳ hệ thống đường ống dẫn nước thải, kịp thời phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế, bổ sung định kỳ (*6 tháng/lần*) chế phẩm vi sinh vào các ngăn phân hủy vi sinh để nâng cao hiệu quả làm sạch của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Đưa ra quy định và yêu cầu các hộ gia đình vào đầu tư xây dựng phải cam kết không để rơi vãi hóa chất, dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng,...vào hệ thống thoát nước.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2

BẢO ĐẢM CÁC GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tại vị trí đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung, tọa độ đại diện (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): X(m) = 2172179; Y(m) = 560567.
- Nguồn số 02: Tại vị trí đặt máy phát điện dự phòng, tọa độ đại diện (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): X(m) = 2172158; Y(m) = 560536.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tránh gây tiếng ồn.

1.2. Trong khuôn viên được trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực dự án, tạo cảm giác dịu êm mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

1.3. Máy phát điện dự phòng được lắp đặt cách xa khu vực các hộ dân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh tại dự án:

1.1. Khối lượng, danh mục, mã chất thải nguy hại dự kiến phát sinh thường xuyên của khu dân cư:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)	Trạng thái	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	4,6	Rắn	16 01 06
2	Các loại dầu mỡ thải	3,4	Rắn/Lỏng	16 01 08
3	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	4,5	Rắn/Lỏng	16 01 09
4	Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	8,5	Lỏng	16 01 10
5	Pin, ắc quy thải	1	Rắn	16 01 12
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH).	7,5	Rắn	16 01 13
	Tổng	29,5		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	294.336
2	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải	30.000
	Tổng	324.336

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 50 lít.
- Thùng ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại nhà văn hoá của dự án.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại đặt tại nhà văn hoá, kết cấu mái bê tông, nền lát gạch granite 600x600.
- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Thùng lưu chứa: 10l, 20l, 240l, xe đẩy 0,5m³/xe.
- Bố trí thiết bị thu gom chất thải trợ để người dân phân loại bỏ vào, đặt dọc tuyến đường giao thông tuyến D01, tuyến D02 và tuyến N02.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu tập kết chất thải tạm thời: có diện tích 35m² gần Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kết cấu mái che kín, cos nền cao hơn cos nền sân đường nội bộ 0,2m, nền bê tông và láng vữa xi măng chống thấm, có hệ thống rãnh thu gom, hố gas thu nước nước (dẫn về hệ thống thu gom nước thải, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý) để hạn chế nước mưa chảy qua ảnh hưởng đến môi trường xung quanh./.

PHỤ LỤC 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN:

1. Các hạng mục, công trình xây dựng:

Triển khai thi công các hạng mục, công trình của dự án; Khuôn viên cây xanh, sân đường nội bộ; Hệ thống cấp điện; Hệ thống cấp nước; Hệ thống PCCC; Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; Hệ thống thoát nước thải,...

2. Các công trình, yêu cầu bảo vệ môi trường.

2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Đối với nước mưa chảy tràn: Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...; tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...

- Đối với nước thải từ quá trình rửa tay chân → 01 hố lắng tạm ($V = 2,0 \text{ m}^3$, lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật (HDPE) để chống thấm) → Tái sử dụng cho phun nước dập bụi, phần không sử dụng hết thải ra mương thoát nước chung của khu vực;

- Đối với nước thải từ nấu ăn của công nhân → 01 bể tách mỡ có thể tích khoảng 50 lít, bằng nhựa composit hoặc inox → Hố lắng tạm dung tích $2,0 \text{ m}^3$ → Tái sử dụng cho phun nước chống bụi khu vực công trường thi công dự án. Phần váng mỡ thu gom và xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày.

- Đối với nước từ vệ sinh máy móc, thiết bị → 01 bể lắng kết hợp tách dầu mỡ tạm có dung tích 02 m^3 . Nước thải sau khi lắng bỏ cặn và dầu mỡ → Mương thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải vệ sinh của công nhân thi công → 05 nhà vệ sinh di động → Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút cặn bể phốt.

- Đối với nước thải từ rửa xe, máy móc → Rãnh xi măng → Bể lắng có dung tích $V = 2,0 \text{ m}^3$ (dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành chống thấm, bể lắng gồm 2 ngăn bởi vách ngăn lưng, trong bể có bố trí 1 phao quay thu váng dầu)

→ Tái sử dụng để vệ sinh thiết bị, máy móc thi công, phần không sử dụng hết thải ra mương thoát nước chung. Váng dầu thu gom, lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại của dự án.

2.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Không sử dụng phương tiện giao thông và máy móc quá cũ để vận chuyển nguyên vật liệu thi công công trình;
- Không chuyên chở vượt tải trọng kiểm định;
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị trên công trường;
- Các phương tiện vận chuyển phải được phủ bạt công nghiệp nhằm tránh rơi rớt và phát tán bụi, bạt được phủ kín thùng xe và buộc chặt.

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí đầy đủ thùng chứa rác (loại 10 - 60 lít) đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom rác thải;
- Đối với thảm phủ thực vật: Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng theo quy định.
- Các loại chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.
- Chất thải xây dựng gồm: Đất đá thải, gạch ngói vỡ, bê tông, xi măng, vữa trộn thừa... tận dụng san lấp mặt bằng của dự án.
- Đất đào hố móng công trình tận dụng làm vật liệu nền các công trình xây dựng dự án.
- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường khác thu gom và đem đến khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường tạm thời. Tại khu vực lưu giữ bố trí các thùng, xe chứa rác thải để lưu giữ và phân loại chất thải, khu vực lưu giữ có mái che, quây xung quanh.
- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chuyên dụng 120 lít có nắp đậy kín đặt tại khu vực lán trại để thu gom.
- Lưu giữ tại khu vực có diện tích 3m², quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa chảy tràn.
- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ

thống giảm âm bị hỏng vì gây ra ô nhiễm tiếng ồn lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công;

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án;
- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu đông người;
- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường;
- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Sự cố về máy móc thiết bị: Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị tham gia thi công dự án.
- Sự cố ngập úng khu vực xung quanh: Thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế xây dựng. Tránh làm rơi vãi các loại chất thải xuống hệ thống thoát nước tắc đường ống thoát nước của khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh dự án.
- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Trước khi bàn giao cho đơn vị quản lý, vận hành và khai thác dự án: Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuân Phúc phải thực hiện:

- Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022, Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN

14:2008/BTNMT (cột B, K = 1); khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

2. Sau khi Công ty Cổ phần Tập đoàn Xuân Phúc bàn giao cho đơn vị quản lý, vận hành: Đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành và khai thác dự án có trách nhiệm tiếp tục vận hành các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại giấy phép này và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.